

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2015/QĐ-UBND

Long An, ngày 07 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng
viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 272/TTr-SKHĐT ngày 10/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở ngành, Đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NCTH, KT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm

Long An, ngày 01 tháng 01 năm 2015

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài
trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2015/QĐ-UBND
ngày 01/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài (sau đây viết tắt là PCPNN) bao gồm công tác vận động, đàm phán, ký kết, thẩm định, phê duyệt, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Bên tài trợ bao gồm các tổ chức PCPNN, tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các hoạt động từ thiện, nhân đạo và viện trợ góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Bên tiếp nhận bao gồm các cơ quan, đơn vị của tỉnh và các tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

2. Các khoản viện trợ PCPNN khi được tiếp nhận và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Không tiếp nhận những hàng hóa thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của Nhà nước.

4. Các khoản viện trợ PCPNN (ngoại trừ cứu trợ khẩn cấp) chỉ được triển khai thực hiện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt tiếp nhận và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

5. Sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ được UBND tỉnh phê duyệt tiếp nhận, nếu chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ đó chưa triển khai thực hiện mà không có lý do chính đáng thì UBND tỉnh ra quyết định thu hồi quyết định phê duyệt tiếp nhận chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ đã ký kết, và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

Điều 3. Lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ PCPNN

Các lĩnh vực ưu tiên vận động viện trợ PCPNN được xác định trong chương trình, kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn do UBND tỉnh ban hành.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cơ quan chủ quản" là UBND tỉnh hoặc cơ quan quản lý trực tiếp các cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận viện trợ.

2. "Chủ khoản viện trợ" là các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực tiếp tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ PCPNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Bên tiếp nhận).

3. "Văn bản ghi nhớ về viện trợ PCPNN" là văn bản ghi nhận ý nguyện ban đầu (không ràng buộc về pháp lý) về các khoản viện trợ PCPNN giữa đại diện của Bên tiếp nhận và Bên tài trợ để làm cơ sở tiến hành các thủ tục phê duyệt và tiếp nhận viện trợ tiếp theo.

4. "Thỏa thuận viện trợ PCPNN" là văn bản quy định các điều khoản chung, các yêu cầu, điều kiện cụ thể ràng buộc về pháp lý đối với các bên liên quan đến khoản viện trợ PCPNN. Văn bản này, trong một số trường hợp, Bên tài trợ yêu cầu ký chính thức với Bên tiếp nhận thay cho việc ký văn kiện chương trình, dự án.

5. "Vốn đối ứng" là khoản đóng góp của phía Việt Nam bằng giá trị các nguồn lực (tiền, hiện vật, nhân lực) để chuẩn bị và thực hiện các khoản viện trợ PCPNN.

Chương II VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PCPNN

Điều 5. Vận động viện trợ PCPNN

1. Vận động viện trợ PCPNN bao gồm: Vận động cho các mục tiêu phát triển trên cơ sở nhu cầu, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư

công cộng, thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của tỉnh và các ngành, các cấp trong từng giai đoạn; vận động cho mục đích nhân đạo và vận động cứu trợ khẩn cấp.

2. UBND tỉnh khuyến khích các Sở ngành, Đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân tích cực, chủ động tham gia vận động viện trợ PCPNN theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về quan hệ viện trợ với các tổ chức PCPNN.

Căn cứ chương trình xúc tiến vận động viện trợ PCPNN của tỉnh theo từng giai đoạn, hàng năm các Sở ngành, Đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các chương trình, dự án, lĩnh vực ưu tiên cần kêu gọi viện trợ PCPNN để phối hợp tổ chức xúc tiến quan hệ, vận động viện trợ.

3. Trong trường hợp cần vận động viện trợ khẩn cấp (khi có thiên tai hoặc thảm họa khác gây hậu quả nghiêm trọng), các cơ quan, đơn vị trong vùng bị thiệt hại phải đánh giá mức độ thiệt hại, báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, kêu gọi viện trợ khẩn cấp với cộng đồng quốc tế.

Điều 6. Đàm phán, ký kết viện trợ PCPNN

1. Các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh do UBND tỉnh chủ trì đàm phán hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện đàm phán.

2. Việc ký kết chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành, và chỉ tiến hành sau khi văn kiện chương trình, dự án hoặc thỏa thuận khoản viện trợ đó đã được UBND tỉnh phê duyệt và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TIẾP NHẬN VÀ QUẢN LÝ CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PCPNN

Điều 7: Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt tiếp nhận viện trợ PCPNN

Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt của cơ quan chủ quản hoặc chủ khoản viện trợ (trong trường hợp cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

2. Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó.

3. Dự thảo văn kiện chương trình, dự án, danh mục các khoản viện trợ phi dự án (tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo thỏa thuận khoản viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này) theo phụ lục 1, 2, 3.

4. Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

5. Đối với khoản viện trợ phi dự án là hàng hóa đã qua sử dụng thì ngoài các văn bản đã quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, cần phải có thêm các văn bản sau:

a) Bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu hàng hóa của Bên tài trợ.

b) Giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia Bên tài trợ. Trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất, phải có Giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

c) Văn bản giám định hàng hóa còn giá trị sử dụng tối thiểu 80% so với giá trị sử dụng mới do tổ chức giám định có thẩm quyền của quốc gia Bên tài trợ xác nhận.

Điều 8. Quy trình thẩm định

1. Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Sau khi tổ chức PCPNN đồng ý tài trợ các chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ phi dự án, cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN (Bên tiếp nhận) dự thảo các văn bản cam kết tài trợ với tổ chức PCPNN theo quy định hiện hành, gửi lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan chức năng: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh.

Sau đó cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN lập hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Quy chế này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

2. Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ

Hồ sơ khoản viện trợ PCPNN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định phải đúng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này. Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, nếu hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận để tổ chức thẩm định, nếu chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3. Bước 3: Thông báo, tổ chức thẩm định

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN, đồng thời chủ trì cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định.

4. Bước 4: Nội dung thẩm định

a) Đối với chương trình, dự án viện trợ PCPNN bao gồm:

- Thông tin liên quan về đăng ký hoạt động hoặc tư cách pháp nhân của Bên tài trợ;

- Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án;
- Tính khả thi của phương thức tổ chức thực hiện chương trình, dự án;
- Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;
- Khả năng đóng góp của phía Việt Nam (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) vào việc thực hiện chương trình, dự án;
- Những cam kết điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ (nếu có); nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện chương trình, dự án;
- Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;
- Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Căn cứ những nội dung nêu trên, các Sở ngành chức năng tham gia thẩm định chịu trách nhiệm chính về các nội dung, lĩnh vực thuộc thẩm quyền.

b) Đối với khoản viện trợ phi dự án PCPNN:

- Thông tin liên quan về đăng ký hoạt động hoặc tư cách pháp nhân của Bên tài trợ;
- Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với kế hoạch phát triển, nhu cầu cụ thể của cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện và thụ hưởng;
- Tính khả thi của phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện khoản viện trợ phi dự án;
- Khả năng đóng góp của Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng khoản viện trợ phi dự án;
- Những cam kết điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ phi dự án của Bên tài trợ (nếu có); nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện khoản viện trợ phi dự án;
- Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Căn cứ những nội dung nêu trên, các Sở ngành chức năng tham gia thẩm định chịu trách nhiệm chính về các nội dung, lĩnh vực thuộc thẩm quyền.

5. Bước 5: Tổng hợp ý kiến thẩm định

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các thành viên tham gia thẩm định:

- Nếu hồ sơ khoản viện trợ PCPNN đạt yêu cầu, được sự thống nhất ý kiến từ các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt tiếp nhận.

- Nếu hồ sơ khoản viện trợ PCPNN không đạt yêu cầu, chưa được sự thống nhất ý kiến từ các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và tiến hành trở lại các bước như đã nêu trên.

6. Bước 6:

- Đối với các khoản viện trợ phi dự án có giá trị dưới 100 triệu đồng phù hợp với chương trình, kế hoạch vận động viện trợ PCPNN của tỉnh (như hỗ trợ học bổng cho học sinh, trao tặng xe lăn, xe lắc, tặng tiền, quà cho người nghèo, người khuyết tật...) giao Sở Ngoại vụ xem xét trình UBND tỉnh quyết định tiếp nhận.

- Đối với các khoản viện trợ phi dự án có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN thực hiện theo thủ tục quy định tại Quy chế này.

Điều 9. Các hình thức quản lý khoản viện trợ PCPNN

1. Chủ khoản viện trợ PCPNN trực tiếp tiếp nhận, quản lý, thực hiện khoản viện trợ PCPNN.

2. Đối với trường hợp thành lập Ban Quản lý chương trình, dự án để thực hiện chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN thì việc thành lập và hoạt động của Ban Quản lý chương trình, dự án tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

Chương IV PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định các khoản viện trợ PCPNN trình UBND tỉnh phê duyệt tiếp nhận (đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh); tiếp nhận hồ sơ trình UBND tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiếp nhận (đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ).

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu đề xuất UBND tỉnh về việc bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN theo đúng chương trình, kế hoạch vận động viện trợ PCPNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

5. Phối hợp tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

6. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu với UBND tỉnh và cơ quan cấp trên về tình hình, kết quả quản lý, sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN; phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách trong quá trình quản lý, sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Ngoại vụ

1. Chủ trì tham mưu đề xuất UBND tỉnh phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong việc xem xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động đối với tổ chức PCPNN; hướng dẫn các tổ chức PCPNN hoạt động đúng quy định của Nhà nước, phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào theo quy định hiện hành.

2. Cung cấp, chia sẻ thông tin về các tổ chức PCPNN, các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN với các cơ quan, đơn vị có liên quan; thông tin về nhu cầu, lĩnh vực, địa bàn vận động viện trợ với các tổ chức PCPNN; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác xúc tiến vận động viện trợ PCPNN.

3. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

4. Trình UBND tỉnh quyết định tiếp nhận đối với các khoản viện trợ phi dự án PCPNN quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy chế này.

5. Báo cáo tình hình hoạt động của các tổ chức PCPNN và tình hình liên quan đến việc quản lý, sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

6. Chủ trì tham mưu đề xuất UBND tỉnh về kêu gọi cứu trợ khẩn cấp.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh

1. Chủ trì tham mưu đề xuất UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

3. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN; tham gia giám sát, báo cáo hoặc có ý kiến về các vấn đề liên quan trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

4. Thực hiện các công việc theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 14. Vai trò của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

1. Là cơ quan đầu mối trong xúc tiến quan hệ và tổ chức vận động các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ PCPNN đảm bảo đúng chủ trương, chính sách, pháp luật; hướng dẫn các tổ chức PCPNN về trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật liên quan đến viện trợ PCPNN.

3. Phối hợp với cơ quan chủ quản trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN; phối hợp với Sở Ngoại vụ trong trường hợp kêu gọi cứu trợ khẩn cấp.

4. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN.

5. Báo cáo về tình hình, kết quả vận động các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

Điều 15. Vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Phối hợp tổ chức vận động các khoản viện trợ PCPNN phù hợp với chương trình, kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ PCPNN của tỉnh trong từng giai đoạn.

2. Ra lời kêu gọi cứu trợ khẩn cấp khi tổ chức kêu gọi cứu trợ khẩn cấp; tổ chức tiếp nhận, phân phối các khoản cứu trợ thuộc trách nhiệm quản lý đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu, đối tượng và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở ngành, Đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Phối hợp tổ chức vận động các khoản viện trợ PCPNN phù hợp với chương trình, kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ PCPNN của tỉnh, phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị theo từng thời điểm cụ thể.

2. Tham gia thẩm định và trình bày kế hoạch, giải pháp triển khai thực hiện, quản lý sử dụng các khoản viện trợ PCPNN thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình vận động, tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

4. Báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu về việc tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất với UBND tỉnh và các cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Quá trình thực hiện Quy chế có phát sinh vướng mắc, hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo, phản ánh với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Lâm

NỘI DUNG DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN

I. Căn cứ hình thành dự án

1. Cơ sở pháp lý của dự án

a) Quyết định phê duyệt dự án của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN

b) Quyết định của cơ quan chủ quản về chủ dự án

c) Các văn bản pháp lý liên quan khác.

2. Bối cảnh của dự án

a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của dự án trong khung kế hoạch, kế hoạch phát triển của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).

b) Nêu các chương trình, dự án tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.

3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ dự án

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Mô tả tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.

2. Phân tích do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn

Mô tả hiệu quả, những lợi ích lâu dài mà dự án đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhóm đối tượng liên quan.

2. Mục tiêu ngắn hạn

Mô tả mục đích mà dự án cần đạt được khi kết thúc để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của đối tượng thụ hưởng, từ đó hỗ trợ đạt được mục tiêu dài hạn.

IV. Các kết quả chủ yếu của dự án

Xác định rõ các kết quả cuối cùng của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

V. Những cấu phần và hoạt động của dự án

Mô tả chi tiết kế hoạch thực hiện các cấu phần hoặc tiểu dự án (nếu có) và hoạt động tương ứng của dự án theo các nội dung sau:

- Mục đích
- Các kết quả dự kiến
- Tổ chức thực hiện
- Thời gian bắt đầu và kết thúc
- Dự kiến nguồn lực.

VI. Ngân sách dự án

1. Tổng vốn của dự án:USD

Trong đó:

a) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:.....nguyên tệ, tương đương..... USD (Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng văn kiện dự án)

b) Vốn đối ứng:.....VND tương đương với..... USD

Trong đó:

- Hiện vật: tương đương..... VND

- Tiền mặt: VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số các hình thức sau:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát..... VND (... %) tổng vốn đối ứng (Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương ... %, vốn ngân sách địa phương ...%)
- Vốn của cơ quan chủ quản..... VND (... %) tổng vốn đối ứng.
- Vốn tự cân đối của chủ dự án..... VND (... %) tổng vốn đối ứng.
- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có).....VND (... %) tổng vốn đối ứng.

2. Cơ cấu vốn theo: Dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế); đào tạo (trong nước, nước ngoài); thiết bị và vật tư (trong nước, nhập khẩu); kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong dự án (nếu có); các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá dự án, kiểm toán dự án và các chi phí khác.

VII. Các quy định về quản lý tài chính của dự án

1. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)

2. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán

3. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)

4. Kiểm toán dự án

VIII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Cơ cấu tổ chức

a) Mô hình tổ chức quản lý dự án theo thoả thuận với nhà tài trợ.

b) Hoạt động của Ban Quản lý dự án tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

2. Cơ chế phối hợp

a) Phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ dự án, ban quản lý dự án (ban quản lý tiêu dự án).

b) Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện dự án với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án sẽ được giao thực hiện dự án.

IX. Theo dõi và đánh giá dự án

1. Xây dựng chi tiết kế hoạch theo dõi thực hiện dự án trên các mặt:

a) Thực hiện dự án

b) Quản lý dự án

c) Xử lý, phản hồi thông tin theo dõi

2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện dự án

a) Đánh giá ban đầu

b) Đánh giá giữa kỳ

c) Đánh giá kết thúc

3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án

4. Cơ chế báo cáo

Tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

X. Tác động của dự án

1. Phân tích tác động của dự án đối với đối tượng thụ hưởng (trực tiếp, gián tiếp)

Nêu rõ những lợi ích đối với các đối tượng thụ hưởng sau khi dự án kết thúc (bằng định tính và định lượng).

2. Phân tích các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của dự án sau khi kết thúc

a) Mô tả tác động kinh tế - xã hội của dự án: Xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, thu nhập cho người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng ...

b) Mô tả những tác động môi trường của dự án

3. Tác động giới.

XI. Rủi ro

Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và nêu các biện pháp để khắc phục rủi ro.

XII. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc

Đánh giá tính bền vững của dự án trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: Kết quả của dự án được duy trì và phát triển sau khi dự án kết thúc.

2. Bền vững về tổ chức: Cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của dự án được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi dự án kết thúc.

3. Bền vững về tài chính: Sau khi hết tài trợ, các hoạt động của dự án có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.

4. Bền vững về môi trường: Môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện dự án được bảo tồn sau khi dự án kết thúc.

Văn kiện dự án có thể kèm theo một số phụ lục sau:

1. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện dự án
2. Khung logic của dự án
3. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
4. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách dự án
5. Ảnh minh họa
6. Bản đồ
7. Các tài liệu có liên quan khác.

PHỤ LỤC 2
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN
(Tên dự án)

(Tên cơ quan chủ quản):

(Tên đơn vị đề xuất dự án):

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Mã ngành dự án⁵:
3. Tên nhà tài trợ:
4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:
a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
5. Cơ quan chủ quản:
a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
6. Đơn vị đề xuất dự án:
a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
7. Chủ dự án dự kiến:
a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
8. Thời gian dự kiến thực hiện dự án⁶:
9. Địa điểm thực hiện dự án:
10. Tổng vốn của dự án:USD

Trong đó:

- Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD (Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

- Vốn đối ứng:

+ Tiền mặt:VND tương đương với..... USD.

+ Hiện vật:VND tương đương với USD.

Chủ dự án ký tên và đóng dấu
Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

⁵ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

⁶ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN

I. Bối cảnh và sự cần thiết của dự án

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.

2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất dự án.

3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án đề xuất.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án đề xuất.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Các mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn

2. Mục tiêu ngắn hạn

IV. Các kết quả chủ yếu của dự án

Kết quả dự kiến đạt được của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó (theo từng cấu phần, hạng mục nếu có).

V. Cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực của dự án

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả dự kiến của dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần, hạng mục) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

VI. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án

1. Đối với vốn viện trợ PCPNN:

- Vốn viện trợ PCPNN: nguyên tệ, tương đương.....USD.

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng: VND.

Trong đó:

- Hiện vật: tương đương VND.

- Tiền mặt: VND.

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- Vốn ngân sách trung ương cấp phát.....VND (...%) tổng vốn đối ứng.

- Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):VND (...%) tổng vốn đối ứng.

VII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.

2. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: Cơ quan chủ quản, chủ dự án, ban quản lý dự án, các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý dự án.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án dự kiến sẽ được giao thực hiện dự án, bao gồm cả năng lực tài chính.

VIII. Phương án xây dựng và công nghệ dự kiến để thực hiện dự án

IX. Phân tích sơ bộ tính khả thi của dự án (về kinh tế, tài chính, công nghệ, năng lực tổ chức thực hiện)

X. Phân tích sơ bộ hiệu quả dự án

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.

2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc.

Văn kiện dự án có thể kèm theo một số phụ lục sau:

1. Các hồ sơ theo quy định của Luật Xây dựng (nếu là dự án đầu tư xây dựng công trình)
2. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện dự án
3. Khung logic của dự án
4. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
5. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách dự án
6. Ảnh minh họa
7. Bản đồ
8. Các tài liệu có liên quan khác.

PHỤ LỤC 3
NỘI DUNG VĂN KIẾN
CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN⁷
(Tên chương trình)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:
 2. Mã ngành chương trình⁸:..... Mã số chương trình⁹:.....
 3. Tên nhà tài trợ:
 4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:
 - a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
 5. Cơ quan chủ quản:
 - a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
 6. Chủ chương trình:
 - a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
 7. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình¹⁰:
 8. Địa điểm thực hiện chương trình (ghi rõ tới cấp huyện, nếu có thể áp dụng được):
 9. Tổng vốn của chương trình:USD
 - a) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD (Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình).
 - b) Vốn đối ứng:
 - Tiền mặt:VND tương đương với..... USD.
 - Hiện vật:VND tương đương với..... USD.
- Mục tiêu và kết quả chủ yếu của chương trình**
Khái quát mục tiêu và kết quả của chương trình.

Chủ Chương trình ký tên và đóng dấu
Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

Ngày tháng năm
Ngày tháng năm

⁷ Áp dụng đối với chương trình, dự án có nhiều cấu phần, đa lĩnh vực và chỉ có một cơ quan chủ quản.

⁸ Mã ngành kinh tế quốc dân của chương trình, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

⁹ Mã chương trình - không bắt buộc, có thể do Bên tài trợ cung cấp.

¹⁰ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện chương trình kể từ ngày chương trình có hiệu lực.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN

I. Căn cứ hình thành chương trình

1. Cơ sở pháp lý

- a) Quyết định của cơ quan phê duyệt khoản viện trợ
- b) Quyết định của cơ quan chủ quản về chủ chương trình
- c) Các văn bản pháp lý liên quan

2. Bối cảnh của chương trình

a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của chương trình trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).

b) Nêu các chương trình tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các chương trình, dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.

3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ chương trình

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu của chương trình

1. Mục tiêu tổng thể

Mô tả hiệu quả, những lợi ích lâu dài mà chương trình đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhóm đối tượng liên quan.

2. Mục tiêu thành phần

Mô tả các mục tiêu thành phần cần đạt được để hỗ trợ mục tiêu tổng thể của chương trình.

IV. Các kết quả chủ yếu của chương trình

Xác định rõ các kết quả cuối cùng của chương trình và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

V. Các dự án thành phần hoặc cấu phần và hoạt động của chương trình

1. Mô tả các thành phần của chương trình, các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần và các hoạt động tương ứng, gồm:

- Mục đích
- Các kết quả dự kiến
- Tổ chức thực hiện
- Thời gian bắt đầu và kết thúc
- Dự kiến nguồn lực.

2. Mô tả mối quan hệ tương tác giữa các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần của chương trình.

VI. Ngân sách chương trình

1. Tổng vốn của chương trình

a) Tổng vốn của cả chương trình: USD

Trong đó:

- Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại: nguyên tệ, tương đương USD (Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng văn kiện chương trình).

- Vốn đối ứng: VND tương đương với USD.

Trong đó:

- Hiện vật: tương đương VND.

- Tiền mặt: VND.

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số trong các hình thức sau:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát VND (..... %) tổng vốn đối ứng (Trong đó: vốn NS trung ương ...%, Vốn NS địa phương.....%)

- Vốn tín dụng ưu đãi VND (..... %) tổng vốn đối ứng.

- Vốn của cơ quan chủ quản VND (..... %) tổng vốn đối ứng.

- Vốn tự cân đối của chủ chương trình VND (..... %) tổng vốn đối ứng.

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có).... VND (..... %) tổng vốn đối ứng.

b) Vốn cho từng thành phần (nếu có) hoặc cấu phần.

2. Cơ cấu vốn của các thành phần chương trình phân theo: Dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế); xây lắp; thiết bị và vật tư (trong nước, ngoài nước); đào tạo (trong nước, ngoài nước); các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá chương trình và các chi phí khác.

VII. Các quy định về quản lý tài chính của chương trình

1. Hình thức giải ngân (kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)
2. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán
3. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)
4. Kiểm toán chương trình

VIII. Tổ chức quản lý thực hiện chương trình

1. Cơ cấu tổ chức

a) Mô hình tổ chức quản lý chương trình theo thoả thuận với nhà tài trợ

b) Hoạt động của Ban Quản lý dự án tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

2. Cơ chế phối hợp

a) Phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ chương trình, các đơn vị thực hiện cấu phần và ban quản lý chương trình.

b) Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện chương trình với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện chương trình.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ chương trình sẽ được giao thực hiện chương trình, bao gồm cả năng lực tài chính.

IX. Theo dõi và đánh giá chương trình

1. Xây dựng chi tiết kế hoạch theo dõi thực hiện chương trình trên các mặt:

a) Thực hiện chương trình

b) Quản lý chương trình

c) Xử lý, phản hồi thông tin theo dõi

2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện chương trình

a) Đánh giá ban đầu

b) Đánh giá giữa kỳ

c) Đánh giá kết thúc

3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của chương trình

Tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng

viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

X. Tác động của chương trình

1. Phân tích tác động của chương trình đối với đối tượng thụ hưởng (trực tiếp, gián tiếp)

Nêu rõ những lợi ích đối với các đối tượng thụ hưởng sau khi dự án kết thúc (bảng định tính và định lượng).

2. Phân tích các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của chương trình

a) Mô tả các tác động kinh tế - xã hội của chương trình: Xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, thu nhập cho người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng ...

b) Mô tả các tác động môi trường của chương trình

3. Tác động giới.

XI. Rủi ro

Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và nêu các biện pháp để khắc phục rủi ro.

XII. Đánh giá tính bền vững của chương trình sau khi kết thúc

Đánh giá tính bền vững của chương trình trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: Kết quả của chương trình được duy trì và phát triển sau khi chương trình kết thúc.

2. Bền vững về tổ chức: Cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của chương trình được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi chương trình kết thúc.

3. Bền vững về tài chính: Sau khi hết tài trợ, các hoạt động của chương trình có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.

4. Bền vững về môi trường: Môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện chương trình được bảo tồn sau khi chương trình kết thúc.

Văn kiện chương trình có thể có một số phụ lục sau:

1. Đề cương chi tiết cho từng dự án thành phần hoặc cấu phần
2. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện chương trình
3. Khung logic
4. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
5. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách chương trình
6. Ảnh minh họa
7. Bản đồ
8. Các tài liệu có liên quan khác.